

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/10/2019

“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.

2. Ông Trần Xuân Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02/8/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 61/QĐXX-ST, ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm: 1995. (có mặt)

Quê quán, trú tại: thôn Y xã D huyện K Hưng Yên.

HKTT: Thôn X xã A huyện K Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Đăng G, sinh năm: 1992. (vắng mặt)

HKTT, trú tại: Thôn X xã A huyện K tỉnh Hưng Yên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.3 *Cháu Hà Đăng Quang B*, sinh ngày 30/9/2015. (vắng mặt)

4. *Người giám hộ cháu Huy:* Phan Thị T, là mẹ đẻ của cháu B.

Đều có HKTT: Thôn X xã A huyện K Hưng Yên.

5. *Người làm chứng:*

1.5. Bà Đỗ Thị C, sinh năm: 1971. (có mặt)

Trú tại: Thôn Y xã D huyện K tỉnh Hưng Yên.

2.5. Ông Hà Đăng E, sinh năm: 1962. (vắng mặt)

Trú tại: Thôn X xã A huyện K tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Hà Đăng G, sinh năm 1992, hiện trú tại thôn X xã A huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc, anh, chị đã được UBND xã A đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 11 năm 2014.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu và về chung sống với anh G tại thôn X xã A huyện K tỉnh Hưng Yên, sau khi sinh sống ở xã A được 01 năm, cả hai vợ chồng lên thành phố Lạng Sơn làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về quê. Ngay từ ban đầu chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, anh G sống vô trách nhiệm mải chơi, không hề quan tâm đến vợ con, không có tình cảm gắn kết vợ chồng, do con nhỏ nên chị cố chịu đựng nhưng cuộc sống vô cùng căng thẳng, đã nhiều lần chị mang con về nhà bố mẹ để sinh sống, thời gian bỏ về dài nhất là hơn 01 năm, sau đó anh G đến xin và được gia đình hai bên động viên lên chị lại quay lại chung sống cùng anh G. Đến tháng 4 năm 2019, do không thể chịu đựng nên chị đã mang con bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn Y xã D sinh sống, kể từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân, cả hai không quan tâm, không tìm gặp và đều không có nguyện vọng đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị cương quyết xin được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Hà Đăng Quang B, sinh ngày 30/9/2015, hiện đang ở với chị, nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, việc đóng góp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh G phải có trách nhiệm.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03: Không có gì liên quan, chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019, bị đơn anh Hà Đăng G trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị Phan Thị T, sinh năm 1995, quê quán tại thôn Y xã D huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Anh, chị đã được UBND xã A đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 11 năm 2014.

Sau khi kết hôn, chị T chuyển khẩu và về chung sống cùng anh tại thôn X xã A huyện K tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, ngoài ra anh thừa nhận mải chơi, nhiều khi không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi xảy ra mâu thuẫn cả hai không nhường nhịn, hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng cả hai không thay đổi tính nết, cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên dẫn đến đã ly thân. Nay chị T xin được ly hôn, anh nhất trí không có ý kiến gì khác.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Hà Đăng Quang B, sinh ngày 30/9/2015, hiện đang ở với chị T, nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, việc đóng góp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03: Không có gì liên quan, anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết anh có nhận được Thông báo về việc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đang giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T nhưng

do công việc anh không đến và cũng để tùy chị T quyết định, anh xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019, người làm chứng là ông Hà Đăng E trình bày: Ông là bố đẻ anh Hà Đăng G, sinh năm 1992. Hiện trú tại Thôn X xã A huyện K tỉnh Hưng Yên.

Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống đúng như chị T, anh G đã trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh G phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính theo ông là do cả hai không tu chí làm ăn, kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị T nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, gia đình động viên nhưng tình cảm anh chị không được cải thiện, hiện chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị T xin ly hôn với anh G, là bậc cha mẹ ông không mong muốn mà tùy anh, chị quyết định.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Hà Đăng Quang Huy, sinh ngày 30/9/2015, hiện đang ở với chị T, gia đình có nguyện vọng được nuôi cháu Huy, nếu không được tùy pháp luật quyết định.

Về tài sản chung, công nợ chung, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng về công sức đóng góp với gia đình ông: không có gì liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2019, người làm chứng là bà Đỗ Thị C trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Phan Thị T, sinh năm 1995, hiện trú tại thôn Y xã D huyện K tỉnh Hưng Yên.

Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống đúng như chị T đã trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G mãi chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con, cuộc sống nhiều mâu thuẫn và bế tắc, chị T nhiều lần bỏ về nhà bà sinh sống, anh G có đến xin, vì nghĩ hạnh phúc của con và vì cháu tôi đã động viên để chị T quay lại nhưng anh G không thay đổi, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Tháng 4 năm 2019 chị T đã bỏ hẳn về nhà bà, bà có động viên nhưng chị T cương quyết không quay lại chung sống cùng anh G. Nay chị T xin ly hôn với anh G, là bậc cha mẹ bà không mong muốn mà tùy chị T quyết định.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Hà Đăng Quang B, sinh ngày 30/9/2015, hiện đang ở với chị T, gia đình có nguyện vọng được nuôi cháu B và không yêu cầu chị T phải trả công sức nuôi dưỡng cháu B, đồng thời gia đình cũng sẽ hỗ trợ chị T để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B.

Về tài sản chung, công nợ chung, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng về công sức đóng góp với gia đình bà: không có gì liên quan.

Qua xác minh tại UBND và đại diện Thôn X xã A ngày 12/9/2019 xác định: Chị Phan Thị T và anh Hà Đăng G xây dựng gia đình trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 19/11/2019, sau khi cưới, chị T chuyển về chung sống với anh G tại thôn X xã A huyện K tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu

Hà Đăng Quang B, sinh ngày 30/9/2019, hiện đang ở với với chị T. Ngoài ra chính quyền địa phương còn đưa ra quan điểm về tài sản chung, công nợ chung. Việc chị T xin được ly hôn với anh G, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Phan Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu xin ly hôn và các quan hệ liên quan như đã khai tại Tòa án trước đây.

- Bà Đỗ Thị C có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án, Việc chị T xin ly hôn tùy chị T quyết định, mặc dù không có nghĩa vụ nhưng nếu Tòa án giải quyết giao cháu B cho chị T, gia đình bà sẽ cùng chị T chăm sóc nuôi dưỡng cháu B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Hà Đăng Quang B, sinh ngày 30/9/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn anh G được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị T, anh G đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 26/7/2019, chị Phan Thị T có đơn khởi kiện anh Hà Đăng G, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan, anh Hà Đăng G có hộ khẩu thường trú, trú tại Thôn X xã A huyện K tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thị T và anh Hà Đăng G kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã A huyện K tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2014. Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nhiều lần mâu thuẫn, đã sống ly thân, cả hai không còn quan tâm chăm sóc nhau, không tìm gặp để vợ chồng hòa giải đoàn tụ, cuộc sống hạnh phúc gia đình đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị T được ly hôn với anh G để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung*: Chị Phan Thị T và anh Hà Đăng G có một con chung là cháu Hà Đăng Quang B, sinh ngày 30/9/2015, hiện cháu đang sinh sống cùng chị T. Mặc dù anh G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, nhưng cháu B còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, từ trước đến nay cháu thường xuyên ở với chị T, cuộc sống ổn định và đảm bảo, chị T có quan điểm được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huy, vì vậy, căn cứ Điều 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Huy cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh G có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Do chị T không yêu cầu và anh G vắng mặt, chưa có ý kiến và yêu cầu phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

5. *Về án phí*: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Hà Đăng G.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Hà Đăng Quang B, sinh ngày 30/9/2015 cho chị Phan Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi

con chung không đặt ra giải quyết. Anh Hà Đăng G có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết. Khi nào chị Phan Thị T và anh Hà Đăng G có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí*: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0001359, ngày 02/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị T đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/10/2019). Bị đơn (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã A; D;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trĩnh